

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO THẮNG  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ - ST  
Ngày 28/9/2024  
V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG, TỈNH LÀO CAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Như Long

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Trần Thị Thu Hương  
2. Bà Trần Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quyết Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 85/2024/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2024/QĐST - HNGĐ ngày 13/9/2024 giữa các đương sự:

1 - **Nguyên đơn:** Chị **Hoàng Thị T** - Sinh năm: 1980

Địa chỉ: **Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai** - vắng mặt tại phiên tòa (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

2 - **Bị đơn:** Anh **Phan Văn H** - Sinh năm: 1978

Địa chỉ: **Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai** - vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Chị Hoàng Thị T** trình bày:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2024 và các bản tự khai của chị **Hoàng Thị T** cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án thì chị **Hoàng Thị T** và anh **Phan Văn H** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 30/6/2008. Sau ngày kết hôn, vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc chị **Hoàng Thị T** làm đơn xin ly hôn anh **Phan Văn H** là do bất đồng quan điểm trong làm ăn và tạo dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái, anh **H** không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè, say sưa, đánh chửi vợ con. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy

ra cãi vã, sức phạm đến bản thân và đôi bên gia đình, cuộc sống chung không hạnh phúc. Khi xảy ra mâu thuẫn anh chị đã được gia đình anh em tham gia khuyên giải nhưng đều không có kết quả. Đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị **Hoàng Thị T** có yêu cầu và nguyện vọng xin được ly hôn với anh **Phan Văn H**.

#### **Về con chung:**

Trong quá trình giải quyết vụ án chị **Hoàng Thị T** xác nhận, anh chị chung sống với nhau đến nay đã có 02 con chung. Cháu lớn: **Phan Thị Lan A**; Sinh ngày: 14/11/2002; Cháu thứ hai: **Phan Công Đ**; Sinh ngày: 20/11/2005. Hiện nay các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện tại cả hai cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và có cuộc sống riêng. Nên khi ly hôn chị **Hoàng Thị T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **Về tài sản chung:**

Chị **Hoàng Thị T** xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị có tạo dựng lên một số tài sản chung, nhưng trị giá không lớn. Khi ly hôn chị và anh tự thỏa thuận chia, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **Về công nợ chung:**

Khi ly hôn chị **Hoàng Thị T** tự giải quyết, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh **Phan Văn H** trong quá trình giải quyết vụ án thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, hiện tại anh **H** đi đâu làm gì, chính quyền địa phương không biết. Tại nơi cư trú anh **Phan Văn H** không có ai là người họ hàng, thân thích, do vậy việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho **Phan Văn H** Tòa án không thể tiến hành được đã phải thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng bằng biện pháp niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để anh **Phan Văn H** thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh **Phan Văn H** đến nay không những anh không trả lời Tòa án bằng văn bản về những yêu cầu và nguyện vọng của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị **Hoàng Thị T** mà thậm chí anh **Phan Văn H** cố tình trốn tránh, thường xuyên vắng mặt tại địa phương nơi cư trú, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Trình bày những quan điểm về xác định thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng và các biện pháp thu thập chứng cứ, trình tự, thủ tục

tổ tụng tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các bước thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật cố tình trốn tránh, không chấp hành theo yêu cầu của Tòa án, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành các biện pháp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi phân tích đánh giá nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 57 luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, **Đ1** b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị **Hoàng Thị T** ly hôn với anh **Phan Văn H** và tuyên án phí quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

#### **[1]. Về quan hệ hôn nhân:**

Chị **Hoàng Thị T** và anh **Phan Văn H** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại **ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai** ngày 30/6/2008. Đây là một hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau ngày kết hôn, vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến việc chị **Hoàng Thị T** làm đơn xin ly hôn anh **Phan Văn H** là do quan điểm, cách sống của vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con, anh **H** không chịu tu chí làm ăn thường xuyên rượu chè say sỉ về chửi bới vợ con, dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã được gia đình, anh em khuyên giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Đến nay, không ai quan tâm thăm hỏi gì nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, ngày 17/6/2024 chị **Hoàng Thị T** có đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh **Phan Văn H**.

Đối với anh **Phan Văn H** trong quá trình giải quyết vụ án thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú do vậy việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **Phan Văn H** Tòa án không thể tiến hành được đã phải thực hiện việc tổng đạt bằng biện pháp niêm yết các văn bản tố tụng, để anh **Phan Văn H** thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh **Phan Văn H** sau khi hết thời hạn niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án, bản thân anh không những không trả lời Tòa án bằng văn bản về những yêu cầu và nguyện vọng của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị **Hoàng Thị T**, mà thậm chí anh **Phan Văn H** cố tình trốn tránh, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị **Hoàng Thị T** vắng mặt (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn đối với anh **Phan Văn H** với lý do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được.

Xét yêu cầu của chị **Hoàng Thị T** trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và Gia đình.

**[2]. Về con chung:**

Chị **Hoàng Thị T** xác nhận, anh chị chung sống với nhau đến nay đã có 02 con chung. Cháu lớn: **Phan Thị Lan A**; Sinh ngày: 14/11/2002; Cháu thứ hai: **Phan Công Đ**; Sinh ngày: 20/11/2005. Hiện nay các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện tại cả hai cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và có cuộc sống riêng. Nên khi ly hôn chị **Hoàng Thị T** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Viện kiểm sát không đề cập. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

**[3] Về tài sản chung:**

Chị **Hoàng Thị T** xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có tạo dựng lên được một số tài sản chung nhưng trị giá không lớn. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Viện kiểm sát không đề cập. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[4]. Về công nợ chung:**

Chị **Hoàng Thị T** tự giải quyết không yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết. Viện kiểm sát không đề cập. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[5]. Về án phí:**

Chị **Hoàng Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên.**

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị **Hoàng Thị T** ly hôn với anh **Phan Văn H**.

**2. Về án phí:** Chị **Hoàng Thị T** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0000929 ngày 25/6/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Xác nhận chị **Hoàng Thị T** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng;
- Chi cục THA dân sự huyện Bảo Thắng;
- UBND xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS - TA - VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Như Long**